

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TD
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HS-ST
Ngày 03 - 02 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đức Nghiệp;
2. Bà Hoàng Thị Hanh.

Thư ký phiên toà: Ông Lương Văn Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Ông Hoàng Mậu Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 66/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Tạ Ngọc A, sinh ngày 25/02/1977 tại xã P, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tạ Ngọc V và bà Khổng Thị V; có vợ là Khổng Thị T và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, (Có mặt).

2. Nguyễn Thanh B (Tên gọi khác: Nguyễn Tôn Ê), sinh ngày 20/12/1953 tại xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn Đ, xã K, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, bị đình chỉ sinh hoạt đảng ngày 16/12/2020; con ông Nguyễn Tử T và bà Phạm Thị Á (đều đã chết); có vợ là Lê Thị A và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, (Có mặt).

3. Lê Thị T, sinh ngày 26/10/1956; nơi cư trú: Thôn Đ, xã K, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu; trình độ văn hoá: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, bị đình chỉ sinh hoạt đảng ngày 16/12/2020; con ông Lê Văn T và bà Đỗ Thị C (Đều đã chết); có chồng là Nguyễn Thanh N và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967.

Nơi cư trú: Thôn SĐ, xã Y, huyện ML, thành phố Hà Nội, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng tháng 4/2019, Tạ Ngọc A cầm một giấy khám sức khỏe đã có đầy đủ các chữ ký của các Bác sỹ, người kết luận và dấu xác nhận của Trung tâm y tế thành phố Vĩnh Yên còn phần nội dung các thông tin của người khám thì chưa viết đến nhà Nguyễn Văn Q ở khu hành chính số 01, phường LB, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc để phôtô. Tại cửa hàng của Q có máy phôtô màu nên A nói với Q cho A phôtô màu tài liệu (Giấy khám sức khỏe), Q đồng ý. Sau đó, A đã thực hiện các thao tác trên máy phôtô màu để phôtô giấy khám sức khỏe do A cầm đến thành 500 giấy khám sức khỏe loại khổ A3 một mặt để trắng, mặt còn lại có chữ ký của các Bác sỹ ở phần nội dung khám cùng người kết luận và con dấu của Trung tâm y tế thành phố Vĩnh Yên. Sau khi Phôtô xong, A trả Q 2.000.000 đồng tiền giấy và tiền mực rồi mang 500 giấy khám sức khỏe đã phôtô màu về bán kiếm lời. Khoảng tháng 8/2019, A trao đổi, thỏa thuận và bán cho Nguyễn Thanh B 200 giấy khám sức khỏe giả với giá 8.000 đồng/ một giấy và nhận của B số tiền 1.600.000 đồng. Sau đó, B sử dụng máy phôtô của gia đình B rồi dùng một giấy khám sức khỏe của Trung tâm y tế thành phố Vĩnh Yên để phôtô ghép phần thông tin người khám sức khỏe vào mặt còn trống của 200 giấy khám sức khỏe đã mua của A để bán kiếm lời. Khi có người hỏi mua thì B tự ghi các thông tin cá nhân của người mua và ghi các thông tin khám khác vào phần nội dung khám rồi bán cho những đối tượng có nhu cầu với giá tiền 60.000 đồng/01 giấy. Tổng số B đã bán được 45 giấy, thu lợi 2.700.000 đồng. Hồi 10 giờ 00 phút ngày 31/12/2019, Công an huyện TD tiến hành kiểm tra tại gia đình B, phát hiện Lê Thị T (Vợ của B) đang có hành vi viết nội dung vào 02 giấy khám sức khỏe do A bán cho B để bán cho Nguyễn Văn H ở xã Y, huyện ML, thành phố Hà Nội với giá 60.000 đồng/01 giấy. Quá trình làm việc B cùng T đã tự nguyện giao nộp thêm 153 giấy khám sức khỏe khác đều có tên người khám và dấu của Trung tâm y tế thành phố Vĩnh Yên cho Công an huyện TD. Ngày 31/12/2020, Tạ Ngọc A đã tự nguyện giao nộp 50 giấy khám sức khỏe khác cho cơ quan CSĐT Công an huyện TD

Tại 41 kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Hình dấu tròn trong 205 giấy khám sức khỏe so với hình dấu thu tại Trung tâm y tế thành phố Vĩnh Yên không phải do cùng một con dấu đóng ra, không phải là dấu đóng trực tiếp và được tạo ra bằng phương pháp in lazer màu.

- Chữ ký của các Bác sỹ và người kết luận trong 205 giấy khám sức khỏe so với các chữ ký của các Bác sỹ và người kết luận tương ứng thu tại Trung tâm y tế thành phố Vĩnh Yên không phải do cùng một người ký ra, không phải là chữ ký trực tiếp và được tạo ra bằng phương pháp in lazer màu.

- Hình dấu chức danh mang tên các Bác sỹ, người kết luận trong 205 tờ giấy khám sức khỏe so với hình dấu chức danh mang tên các Bác sỹ, người kết

lượn tương ứng thu tại Trung tâm y tế thành phố Vĩnh Yên không phải do cùng một con dấu đóng ra, không phải là dấu đóng trực tiếp và được tạo ra bằng phương pháp in lazer màu.

Tại 08 kết luận giám định của phòng kỹ thuật hình sự – Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Các chữ viết trong các mẫu giấy khám sức khỏe so với chữ viết bà Lê Thị T, ông Nguyễn Thanh B ở mẫu so sánh đều do cùng một người viết ra.

Quá trình điều tra xác định A đã sử dụng 500 giấy khám sức khỏe giả để bán cho B 200 giấy với giá 8.000 đồng/01 tờ vào tháng 8/2019 thành tiền là 1.600.000 đồng. Ngoài ra, A còn khai nhận đã nhiều lần bán lẻ cho một số người không biết tên, địa chỉ khoảng 250 tờ, với giá 20.000 đồng/ 01 tờ thành tiền là 5.000.000 đồng, còn lại 50 tờ A đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra. Tổng cộng A đã thu lợi bất chính từ việc bán 450 tờ giấy khám sức khỏe giả là 6.600.000 đồng.

Đối với B sau khi mua được giấy khám sức khỏe giả của A, B đã dùng một giấy khám sức khỏe của Trung tâm y tế thành phố Vĩnh Yên để phô tô ghép phần thông tin người khám sức khỏe vào mặt trước để trống của 200 tờ giấy khám sức khỏe giả rồi tự viết thông tin vào mục nội dung khám, kết luận đối với 83 tờ giấy khám sức khỏe giả. B đã bán hết 45 tờ cho những người không rõ tên, địa chỉ với giá 60.000 đồng/01 giấy thu 2.700.000 đồng. Còn lại 155 giấy khám sức khỏe giả B đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra.

Đối với T, sáng ngày 31/12/2019 do B đi vắng nên đã đưa giấy khám sức khỏe giả cho T để bán. T đã sử dụng 02 giấy khám sức khỏe giả viết thêm thông tin để bán cho Nguyễn Văn H thì bị cơ quan Công an kiểm tra phát hiện.

Về vật chứng của vụ án: 205 giấy khám sức khỏe giả. Tạ Ngọc A giao nộp 4.600.000 đồng, Nguyễn Thanh B giao nộp 1.100.000 đồng và 200.000 đồng là tiền Lê Thị T bán 02 giấy khám sức khỏe giả cho ông Nguyễn Văn H ngày 31/12/2019.

- Đối với máy phô tô màu của anh Nguyễn Văn Q, sau khi A phô tô, anh Q đã trả lại cho khách hàng, do không nhớ địa chỉ cụ thể nên cơ quan điều tra không thu hồi được; đối với máy phô tô của Nguyễn Thanh B, do máy bị hỏng B đã bán thanh lý cho người không quen biết được 500.000 đồng, nên cơ quan điều tra không thu hồi được.

- Đối với 02 giấy khám sức khỏe gốc do Tạ Ngọc A và Nguyễn Thanh B sử dụng để phô tô giấy khám sức khỏe, sau khi sử dụng để phô tô, A và B đã xé bỏ nên cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại bản cáo trạng số 68/CT-VKSTD ngày 25/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện TD đã truy tố các bị cáo Tạ Ngọc A, Nguyễn Thanh B về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015. Lê Thị T về tội “Sử dụng tài liệu giả của Cơ quan tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Tạ Ngọc A, Nguyễn Thanh B phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; Lê Thị T phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Tạ Ngọc A. Xử phạt Tạ Ngọc A 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Nguyễn Thanh B. Xử phạt Nguyễn Thanh B 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 3 Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Lê Thị T. Xử phạt Lê Thị T từ 32.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 để phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy 205 giấy khám sức khỏe giả.
- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 5.820.000 đồng là tiền do các bị cáo phạm tội mà có, trong đó có 4.600.000 đồng của Tạ Ngọc A; 1.100.000 đồng của Nguyễn Thanh B, 120.000 đồng Lê Thị T bán 02 giấy khám sức khỏe giả cho ông Nguyễn Văn H, còn lại 80.000 đồng là tiền của ông H không liên quan đến việc phạm tội, trả lại cho ông H.
- Thu hồi, tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 2.000.000 đồng thu lợi bất chính của Tạ Ngọc A; 1.600.000 đồng của Nguyễn Thanh B là tiền bán giấy sức khỏe giả và 500.000 đồng là tiền Nguyễn Thanh B bán máy photo.

Các bị cáo Tạ Ngọc A, Nguyễn Thanh B và Lê Thị T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TD, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân huyện TD, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa và trong quá trình điều tra, các bị cáo Tạ Ngọc A, Nguyễn

Thanh B và Lê Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TD đã truy tố. Các bị cáo không có lời bào chữa nào khác. Xét lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng thu giữ được, phù hợp với các kết luận giám định và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy có đủ cơ sở chứng cứ khách quan để kết luận: Do hám lợi bất chính nên Tạ Ngọc A đã phô tô 500 tờ giấy khám sức khỏe giả của Trung tâm y tế thành phố Vĩnh Yên để bán kiếm lời. Trong đó tháng 8/2019 A đã bán cho Nguyễn Thanh B 200 giấy khám sức khỏe giả với giá 8.000 đồng/01 giấy được 1.600.000 đồng và bán lẻ cho một số người không biết tên, địa chỉ 250 giấy với giá 20.000 đồng/01 giấy được 5.000.000 đồng. Tổng cộng, A đã thu lợi bất chính từ việc bán 450 giấy khám sức khỏe giả là 6.600.000 đồng. Còn lại 50 giấy khám sức khỏe giả A đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra. Sau khi có được giấy khám sức khỏe giả mua của A, tại nhà ở của B, B đã dùng 01 giấy khám sức khỏe của Trung tâm y tế thành phố Vĩnh Yên và sử dụng máy photo của mình ghép phần thông tin người khám sức khỏe vào mặt trước để trông của 200 tờ giấy khám sức khỏe giả, B đã bán 45 giấy khám sức khỏe giả cho một số người không rõ tên, địa chỉ với giá 60.000 đồng/01 giấy được 2.700.000 đồng. Sáng ngày 31/12/2019, T (Vợ của B) bán cho H 02 giấy khám sức khỏe giả thì bị cơ quan điều tra kiểm tra phát hiện. B và T đã giao nộp cho cơ quan điều tra 155 giấy khám sức khỏe giả còn lại.

Hành vi của Tạ Ngọc A, Nguyễn Thanh B đã phạm vào tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015. Lê Thị T đã phạm vào tội “Sử dụng tài liệu giả của Cơ quan tổ chức”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015.

Điều 341 quy định: “1. Người nào làm giả ... tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng ... tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

a) Làm 06... tài liệu trở lên”.

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn bình thường của các cơ quan Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính. Trong vụ án này Tạ Ngọc A là người đã làm 500 giấy khám sức khỏe giả bán cho Nguyễn Thanh B và nhiều người khác, Nguyễn Thanh B đã làm 200 giấy khám sức khỏe giả để bán cho những người không rõ tên, địa chỉ cụ thể; Lê Thị T đã sử dụng 02 giấy khám sức khỏe giả do A cung cấp bán cho Nguyễn Văn H để kiếm lời. Các bị cáo đều thực hiện tội phạm một cách tích cực. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự,

biết rõ làm giả, sử dụng giấy tờ giả của Cơ quan, tổ chức bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo:

Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo A, B và T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Ngoài ra, bị cáo B và bị cáo T có nhiều thành tích được tặng thưởng nhiều Huân huy chương, Bằng khen nên các bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo A, B và T không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo đều có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Vì vậy, chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho bị cáo A, B được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo. Đối với bị cáo T áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục, cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 “Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 “Trong thời gian chấp hành án, người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước...”. Xét thấy bị cáo A không tài sản, không có thu nhập ổn định, bị cáo B, bị cáo T là người cao tuổi, có thu nhập thấp nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung để phạt tiền đối với bị cáo A, bị cáo B. Không áp dụng khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 để khấu trừ một phần thu nhập đối với bị cáo T.

Trong vụ án này còn có ông Nguyễn Văn H là người mua giấy khám sức khỏe giả của Lê Thị T vào ngày 31/12/2019; anh Nguyễn Văn Q, chủ quán phô tô đã cho Tạ Ngọc A phô tô màu giấy khám sức khỏe giả. Tuy nhiên hành vi của ông Nguyễn Văn H chưa cấu thành tội phạm; anh Q có mối quan hệ quen biết vì cùng làm nghề sửa chữa máy phô tô, A tự thực hiện việc phô tô, anh Q không tham gia và không biết A phô tô giấy tờ tài liệu gì nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với ông H và anh Q.

Đối với những người mua giấy khám sức khỏe giả của Tạ Ngọc A và Nguyễn Thanh B, là người lạ đi đường vào mua nên chưa xác định được tên

tuổi, địa chỉ cụ thể nên cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 205 giấy khám sức khỏe giả.
- Số tiền 5.900.000 đồng trong đó có 5.820.000 đồng là tiền do các bị cáo phạm tội mà có, trong đó có 4.600.000 đồng của Tạ Ngọc A; 1.100.000 đồng của Nguyễn Thanh B và 120.000 đồng Lê Thị T bán 02 giấy khám sức khỏe giả cho ông Nguyễn Văn H, còn lại 80.000 đồng là tiền của ông H không liên quan đến việc phạm tội, trả lại cho ông H.
- Đối với số tiền 2.000.000 đồng thu lời bất chính của Tạ Ngọc A; 1.600.000 đồng của Nguyễn Thanh B là tiền các bị cáo bán giấy sức khỏe giả và 500.000 đồng là tiền Nguyễn Thanh B bán máy photo cần thu hồi, tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.
- Đối với 02 Giấy khám sức khỏe gốc do Tạ Ngọc A và Nguyễn Thanh B sử dụng để photo giấy khám sức khỏe, sau khi sử dụng để photo A và B đã xé bỏ nên Cơ quan điều tra không thu giữ được, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Các bị cáo Tạ Ngọc A, Nguyễn Thanh B và Lê Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Tạ Ngọc A, Nguyễn Thanh B phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; Lê Thị T phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ vào:

- Điểm a khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Tạ Ngọc A. Xử phạt Tạ Ngọc A 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Nguyễn Thanh B. Xử phạt Nguyễn Thanh B 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Lê Thị T. Xử phạt Lê Thị T 01 (Một) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Tạ Ngọc A cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Thanh B cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Lê Thị T cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy 205 giấy khám sức khỏe giả.

- Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 5.820.000 đồng (Năm triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng).

- Thu hồi, tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 2.000.000 đồng thu lợi bất chính của Tạ Ngọc A; 1.600.000 đồng của Nguyễn Thanh B và 500.000 đồng Nguyễn Thanh B bán máy photo. Xác nhận Tạ Ngọc A đã nộp 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2019/0000435 ngày 03/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; Lê Thị T đã nộp thay cho Nguyễn Thanh B số tiền 1.600.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2019/0000430 ngày 30/11/2020 và số tiền 500.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2019/0000429 ngày 30/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Trả lại cho ông Nguyễn Văn H 80.000 đồng (Tám mươi nghìn đồng).

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí tòa án, các bị cáo Tạ Ngọc A, Nguyễn Thanh B và Lê Thị T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TD;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS huyện TD
- Công an huyện TD;
- UBND xã Đ, huyện L;
- UBND xã K, huyện TD;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, bộ phận theo dõi THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Tiến Dũng

